

Nguyễn Duy Chính

VỤ ÁN MINH SỬ

VĂN TỰ NGỤC

文字獄



Suốt 5000 năm lịch sử, không hiếm những dân tộc ở bên ngoài xâm chiếm Trung Nguyên, có khi thất bại, có khi thành công và nhiều lần họ còn xây dựng nên những triều đại oanh liệt hơn chính dân bản địa. Triều đại không phải là Hán tộc sớm nhất trong lịch sử Trung Hoa là nhà Chu từ hơn một nghìn năm trước T.L., kế tiếp là người Khất Đan (Liêu 947- 1125), người Nữ Chân (Kim 1122-1234), rồi người Mông Cổ (Nguyên 1271-1368) và gần nhất là người Mãn Châu (Thanh 1644-1912).

Người Trung Hoa quan niệm Trung Quốc là tâm điểm của thế giới và những dân tộc khác ở chung quanh như những vòng tròn đồng tâm phải thần phục một vị con trời (Thiên Tử) là người được thượng đế ủy thác xuống trần để cai trị thiên hạ (dưới gầm trời). Từ vũ trụ quan đó, họ đã tự cho mình cái sứ mệnh thiêng liêng (thiên mệnh) khai hóa những dân tộc khác mà họ gọi là di địch, man rợ[1] là một dạng chư hầu, thần phục thiên tử như những vì sao châu về ngôi Đế Tọa và theo đuổi một đường lối ngoại giao mà người Tàu gọi là ky mi (羈縻 - lỏng dây cương) theo kiểu dây mềm buộc chặt. Đường

lối ngoại giao đó được thực hiện dưới nhiều hình thức như cưới gả, tặng vật, ban chức tước, có khi nhận làm thân tộc xưng anh gọi em và cũng có khi phải triều cống ngược lại cho họ (chẳng hạn triều Tống). Cũng có khi họ dùng chính sách lấy rợ nọ kiềm chế rợ kia, dùng dân tộc này chống lại kẻ thù khác. Chính sách đó cũng được triều đình Việt Nam bắt chước để đối phó với một số tiểu quốc và những sắc dân thiểu số vùng cao nguyên nhưng lại chuốc phải thất bại một cách chua cay khi một số nhà nho đem ra áp dụng với người Pháp.

Những triều đại do các dân tộc từ bên ngoài vào luôn luôn tạo nên những đối kháng mãnh liệt mà kết quả phần lớn là đầm máu kẻ bị cai trị. Đối với nhà cầm quyền, biện pháp thông dụng nhất là dùng bạo lực để trấn áp, để tiêu diệt, còn đối với kẻ bị trị thì việc dùng văn chương để phúng thích, mĩ mai... Đường lối chống đối đó chỉ là hình thức tiêu cực và cũng là một món vũ khí của kẻ yếu. Và vì thế những vụ tàn sát vì văn chương đã xảy ra rất nhiều, không phải chỉ vào thời những hôn quân bạo chúa mà hầu như mỗi khi khởi đầu một triều đại đều ít nhiều có những vụ Văn Tự Ngục. Những vụ án đó có nhiều nguyên do, từ nhu cầu củng cố quyền hành của tân triều, đến những thanh trừng trong nội bộ, hoặc có khi vì tính đa nghi, những vụ bạo động của dân chúng khi gặp thiên tai, hạn hán châm ngòi cho những vụ trấn áp.

Văn Tự Ngục là tên mà các sử gia gọi vụ án Minh Sử được kể lại khá chi tiết trong chương mở đầu của bộ truyện dài võ hiệp Lộc Đình Ký:

“Ở phía tây Chiết Giang là ba phủ Hàng Châu, Gia Châu, Hồ Châu nằm bên bờ Thái Hồ, địa thế bằng phẳng, đất đai màu mỡ, sản xuất nhiều thóc gạo tằm. Huyện đứng đầu ở Hồ Châu là Ngô Hưng, đời Thanh chia làm hai huyện Ô Trình, Qui An. Nơi đó vốn là chôn văn chương chữ nghĩa, xưa nay lắm danh sĩ xuất thân, đời nhà Lương có Thảm Ước chia tiếng Trung Quốc

ra làm bốn thanh bình thượng khứ nhập, đời Nguyên thì có Triệu Mạnh Phủ cả thư lẫn họa đều đứng đầu, hai người đều từ Hồ Châu mà ra. Đương địa lại sản xuất bút nổi tiếng, bút Hồ Châu, mực Huy Châu, giấy Tuyên Thành, nghiên Đoan Khê Triệu Khánh là những món thiên hạ tri danh trong văn phòng tứ bảo[2].

Phủ Hồ Châu có trấn Nam Tầm, tuy tiếng chỉ là một trấn nhưng so với những châu huyện tầm thường còn lớn hơn nhiều. Trong trấn phú hộ rất đông, trong đó có một gia tộc nổi tiếng họ Trang. Nhà phú hộ họ Trang tên là Trang Duẩn Thành, sinh được mấy người con, trưởng tử tên là Đình Long, thích đọc thi thư từ nhỏ, kết giao rất đông đảo danh sĩ Giang Nam. Đến đời Thuận Trị, Trang Đình Long vì đọc sách quá nhiều nên đột nhiên bị lòa, đã tìm đủ loại danh y nhưng không sao chữa khỏi, trong lòng uất ức không vui. Một hôm kia, có một thanh niên họ Chu ở gần bên đem tới một bộ thủ cáo[3], nói là di cáo của tổ phụ Chu tướng quốc muốn dùng làm vật thế chân để mượn vài trăm lượng bạc. Họ Trang xưa nay vốn khảng khái, vẫn thường giúp đỡ con cháu Chu tướng quốc, nay đến mượn tiền cũng không cần phải lấy vật gì cầm cố. Thế nhưng thanh niên họ Chu kia nói rằng sau khi mượn tiền rồi sẽ đi xa, nếu bộ di cáo này đem theo trong người e rằng thất lạc, còn để ở nhà thì lại không yên tâm nên muốn giữ tại nhà họ Trang. Trang Duẩn Thành nghe thế mới bằng lòng.

Sau khi gã họ Chu đi khỏi, Trang Duẩn Thành muốn con đỡ buồn mới sai những người có chút chữ nghĩa trong nhà đọc sách đó cho con nghe. Bộ Minh Sử Cáo của Chu Quốc Trinh phần lớn đã in ra thành sách lưu truyền nhân thế. Thế nhưng lần này người cháu ông ta đem đến nhà họ Trang để cầm là nhiều thiên liệt truyện viết sau cùng. Trang Đình Long nghe đọc mấy hôm cảm thấy hứng thú đột nhiên nghĩ ra: “Xưa kia Tả Khâu Minh cũng lòa đôi mắt, vậy mà chỉ viết một bộ Tả Truyện nên tiếng để muôn đời. Ta hiện

nay mắt cũng mù, nhàn cư không có việc gì làm, sao không viết một bộ sử để lưu truyền hậu thế?”.

Con nhà đại phú làm chuyện gì cũng dễ dàng. Y có hứng làm chuyện đó lập tức mời ngay mấy người học thức đến đem bộ Minh Sử Cảo đó từ đầu đến cuối đọc cho y nghe một lượt, thấy chỗ nào cần thêm vào, chỗ nào cần bỏ bớt liền nói ra để cho tân khách chép lại.

Thế nhưng nghĩ bụng mắt mình đã lòa rồi không còn thể nào đọc hết các sách vở được nữa, bộ Minh Sử này soạn ra nếu còn nhiều chỗ sai lầm thì đã chẳng được tiếng tăm gì mà lại làm trò cười cho thiên hạ thành thử y không ngại bỏ tiền bạc mời những danh sĩ hồng nho, hết sức sửa sang để sao tận thiện tận mỹ mới vừa lòng. Nếu có những bậc đại học vấn tiền tài không thể mua chuộc được, Trang Đình Long lại khẩn khoản nhờ người khác, dùng lời lẽ nhún nhường mời mọc. Đất Thái Hồ vốn dĩ nhiều danh sĩ, được Trang gia mời đến, phần vì thương y mù lòa cảm kích tấm lòng thành, hai nửa việc giúp một tay tu bổ Minh Sử cũng là một việc tốt nên hầu hết đều đến nhà họ Trang làm khách dăm bữa nửa tháng, hoặc giúp việc sửa lại những sai lầm, hoặc thêm bớt cho thêm văn vẻ, hoặc chép giùm một vài chương. Thành thử bộ Minh Sử đó quả là tập trung được nhiều đại thủ bút. Cuốn sách làm xong chưa bao lâu thì Trang Đình Long tạ thế.

Trang Duẫn Thành thương xót đứa con bạc mệnh nên lập tức lo việc in ra. Đòi Thanh muốn in một quyển sách quả không phải dễ mà phải gọi thợ khắc thành mộc bản, lúc ấy mới in thành sách được. Bộ Minh Sử đó rất dày, tiền công khắc bản gỗ và in ấn rất tốn kém. Thế nhưng nhà họ Trang lắm bạc nhiều tiền, lập tức dọn ngay mấy căn phòng lớn làm xưởng việc, gọi thêm thợ chỉ mấy năm sau sách đã in xong. Cuốn sách đó có nhan đề là Minh Thư Tập Lược, người soạn là Trang Đình Long, lại mời danh sĩ Lý Lệnh Triết đề tựa. Tất cả những người đã từng giúp đỡ hoàn thành cuốn sách đều được in ở

đầu, nào là Mao Nguyên Minh, Ngô Chi Minh, Ngô Chi Dung, Lý Nhưng Đào, Mao Thứ Lai, Ngô Sở, Đường Nguyên Lô, Nghiêm Vân Khởi, Tưởng Lô Trung, Vi Kim Hựu, Vi Nhất Viên, Trương Tuấn, Đồng Nhị Đậu, Ngô Viêm, Phan Sanh Chương, Lục Kỳ, Tra Kế Tá, Phạm Tương... tổng cộng cả thảy mười tám danh sĩ. Trong sách cũng ghi là bộ này căn cứ thêm bớt vào bản nháp của Chu thị mà thành, có điều Chu Quốc Trinh là tướng quốc nhà Minh, danh tiếng quá lớn nên không tiện để thẳng tên nên chỉ nói lập lờ là “Chu thị nguyên cáo”.

Minh Thư Tập Lược qua biết bao nhiêu tay danh sĩ học giả sửa đổi chọn lựa nên quả cực kỳ đầy đủ, mạch lạc khúc chiết đâu ra đấy, văn chương lại chau chuốt thanh nhã, in ra rồi rất được người trong sĩ lâm tán thưởng. Trang gia lại cốt để được tiếng tăm nên giá bán thật hạ. Trong nguyên cáo mỗi khi nhắc đến người Mãn Châu, vốn dĩ không thiếu gì những đoạn chê bai, người tu đính đều đem bỏ đi hết nhưng những đoạn tán dương triều Minh không thể không có. Lúc đó nhà Minh mới chưa lâu, người đọc sách dạ hoài cổ quốc nên sách in ra ai nấy đều mát lòng mát dạ, tên tuổi của Trang Đình Long nổi như cồn khắp Giang Nam, Giang Bắc. Trang Duẩn Thành tuy đau lòng nhưng thấy con người tuy mất nhưng danh vẫn còn, cũng thấy an ủi cho tuổi già.

Thế nhưng vào thời loạn, tiểu nhân đắc chí khiến người quân tử gặp tai ương. Tri huyện Qui An ở Hồ Châu tên là Ngô Chi Vinh, làm quan tham lam chẳng kể gì đến phép nước, trăm họ hận y tận xương tủy, khiến cho có người tố cáo nên bị triều đình cách chức. Ngô Chi Vinh làm tri huyện Qui An tuy bòn rút được đến trên vạn lạng bạc nhưng khi lệnh cách chức xuống rồi, y chạy đôn chạy đáo khắp nơi để khỏi bị tù tội nên bao nhiêu tiền bạc tích cóp được đều hết nhẵn, đến cả gia nhân cũng bỏ đi đâu không biết.

Y quan chức lẫn tiền bạc đều chẳng còn, chỉ còn cách đến các nhà có máu

mặt tả oán, than rằng làm quan thanh bạch, nay bị về vườn, chẳng còn đồng xu dính túi để ăn đường nên không thể nào qui cố hương được. Những phú hộ đó chẳng muốn rầy rà, nên ai cũng cho y ít nhiều, kẻ mười lạng người tám lạng. Khi y đến nhà họ Chu, chủ nhân Chu Hựu Minh vốn là người chính nhân quân tử, ghét kẻ ác như kẻ thù, đã chẳng cho đồng nào thì chớ lại mắng cho một trận, bảo là các hạ làm quan, bách tính trăm điều khổ sở, họ Chu này dù có tiền thì cũng đem đi giúp cho những người bị các hạ hút máu hút mỡ còn hơn. Ngô Chi Vinh tuy giận lắm nhưng cũng chẳng làm gì được, y bị cách chức rồi, quyền không mà thế cũng không, đâu có dám cạ khía với một phú gia bát ăn bát để? Sau đó y bèn nuốt hận đi sang bãi phỏng Trang Duẩn Thành.

Trang Duẩn Thành bình thời chỉ kết giao với thanh lưu danh sĩ, vẫn chẳng coi bọn quan lại vào đâu, thấy y đến mè nheo, cười nhạt một tiếng, thí cho y một lượng bạc nói:

- Cái thứ người như các hạ, đúng ra một lượng cũng chẳng đáng cho, có điều nhân dân Hồ Châu chỉ mong các hạ đi sớm ngày nào khuất mắt ngày ấy, cho một lượng để cút sớm một khắc, cũng là điều hay.

Ngô Chi Vinh trong bụng tức lắm, liếc qua thấy trên bàn có để một bộ Minh Thư Tập Lược, nghĩ thầm: “Tên họ Trang này tính thích phỉnh phờ, người ta chỉ cần khen bộ Minh Thư Tập Lược này vài câu là lập tức đem tiền dâng ngay, không hề ngần ngại”. Y bèn cười cầu tài nói:

- Trang ông hậu tứ, không nhận thì không cung kính. Huynh đệ hôm nay từ biệt Hồ Châu, điều đáng tiếc nhất là không mang được một bộ Hồ Châu chi bảo về quê để cho những kẻ cô lậu quả văn nơi tẻ hương được mở mắt.

Trang Duẩn Thành hỏi lại:

- Cái gì mà gọi là Hồ Châu chi bảo?

Ngô Chi Vinh cười đáp:

- Trang ông quả là khiêm tốn quá! Trong chốn sĩ lâm, ai ai cũng đều tấm tắc, lệnh lang Đình Long công tử thân bút soạn ra bộ Minh Thư Tập Lược, sử tài, sử thức, sử bút cả ba điều tự cổ đến nay hiếm ai hơn được, Tả Mã Ban Trang, đó là cỗ kim lương sử tứ đại gia. Hồ Châu chi bảo chính là bộ Minh Sử do lệnh lang thân bút soạn ra chứ còn gì nữa.

Ngô Chi Vinh nhắc đi nhắc lại “do chính lệnh lang soạn ra” khiến Trang Duẫn Thành nghe mà như nở hoa trong bụng. Ông biết rõ bộ sử này nào có phải do chính con mình “thân bút” đâu, trong lòng không khỏi áy náy nhưng Ngô Chi Vinh nói thế quả là gài đúng chỗ ngứa, nghĩ thầm: “Ai ai cũng bảo gã này tham lam, là một tên tiểu nhân hèn hạ, hóa ra y cũng là người đọc sách có chút kiến thức. Thì ra bên ngoài người ta bảo tập sách của Long nhi là Hồ Châu chi bảo, bây giờ ta mới nghe lần đầu”.

Trang ông mặt mày tươi rói nói:

- Vinh ông nói gì mà Tả Mã Ban Trang, cỗ kim tứ đại lương sử, huynh đệ có điều chưa rõ, mong được chỉ giáo.

Ngô Chi Vinh thấy Trang Duẫn Thành dịu hẳn lại, biết rằng cá đã cắn câu, trong bụng mừng thầm, liền đáp:

- Trang ông chẳng nên quá khiêm tốn. Tả Khưu Minh soạn Tả Truyện, Tư Mã Thiên soạn Sử Ký, Ban Cố soạn Hán Thư đều là những danh tác truyền từ nghìn xưa, thế nhưng sau Ban Cố, đại sử gia chẳng còn ai nữa. Âu Dương Tu soạn Ngũ Đại Sử, Tư Mã Quang soạn Tư Trị Thông Giám, văn chương tuy xuất sắc nhưng tài ba, kiến thức có phần chưa đủ. Mãi đến thời thịnh thế nhà Đại Thanh ta, lệnh lang thân bút soạn ra một bộ Minh Thư Tập Lược bưng bưng như thế mới có được người cùng Tả Khưu Minh, Tư Mã Thiên, Ban Cố ba vị tiền bối tịnh giá tề khu, thành thử người đời mới có câu “Tứ Đại Lương Sử, Tả Mã Ban Trang”.

Trang Duẫn Thành cười híp cả mắt, hai tay xoắn tít lại luôn mồm:

- Nói quá thôi! Nói quá thôi! Cái câu Hồ Châu chi bảo quả là không dám nhận.

Ngô Chi Vinh nghiêm mặt nói:

- Cái gì mà không dám nhận? Bên ngoài ai ai cũng nói: Trong Hồ Châu tam bảo sử, lụa và bút thì Trang sử đứng đầu.

Tơ tằm và bút lông của Hồ Châu là hai đặc sản nổi danh, Ngô Chi Vinh tuy phẩm hạnh bết bát nhưng được cái nhanh mồm nhanh miệng, xuất khẩu thành chương, ghép ngay Trang sử chung với Hồ ti, Hồ bút, Trang Duẩn Thành nghe thế hết sức vừa lòng.

Ngô Chi Vinh lại tiếp:

- Huynh đệ đến quý xứ làm quan, hai bàn tay trắng chẳng tơ hào gì. Hôm nay đành muối mặt đến xin Trang ông một bộ Minh Sử để đem về làm bảo vật truyền gia, sau này con cháu nhà họ Ngô ngày đêm dùi mài, may ra tài nghệ kiến thức tiến triển, làm rạng rỡ cho tổ tiên, âu cũng là nhờ hậu tứ của Trang ông.

Trang Duẩn Thành cười đáp:

- Thế thì xin phụng tặng.

Ngô Chi Vinh lại đẩy đưa thêm vài câu nữa, không thấy Trang Duẩn Thành tỏ ý gì khác, lại đem bộ Minh Sử ra ca ngợi một hồi. Thực ra bộ sách đó y chưa đọc đến một trang, nên chỉ nói lòng vòng nào là sử tài cao siêu hiếm có, sử thức phong phú, trác tuyệt.

Trang Duẩn Thành nói:

- Vinh ông xin ngồi nán lại một chút.

Nói xong đi vào hậu đường. Qua một lúc sau, một gia đình bưng một cái bọc ra, để lên bàn. Ngô Chi Vinh thấy Trang Duẩn Thành chưa xuất hiện, vội vàng cầm cái bao lên nhắc nhắc thử, bao đó tuy to nhưng nhẹ hều, hiển nhiên bên trong chẳng có tiền bạc gì, trong lòng hết sức thất vọng. Một hồi

sau, Trang Duẫn Thành trở lại đại sảnh, bung cái bọc lên, cười nói:

- Vinh ông coi trọng thổ sản của chúng tôi quá vậy xin kính tặng.

Ngô Chi Vinh tạ ơn, cáo từ đi ra, chưa đến khách điểm đã cho tay vào mò thử, quả nhiên là một bộ sách, một cuộn tơ tằm và vài mươi cây bút. Y mất bao nhiêu công lao miệng lưỡi, vẫn tưởng Trang Duẫn Thành ngoài bộ Minh Sử ra, thế nào cũng tặng thêm cho vài trăm lượng bạc, ngờ đâu món quà chỉ đúng có “Hồ Châu tam bảo” mà y thuận miệng bịa ra, bèn chửi thề: “Con mẹ nó, cái bọn tài chủ ở Nam Tầm này đều tính khí nhỏ nhen. Âu cũng là tại mình nói sai, chứ nếu như nói Hồ Châu tam bảo là vàng bạc và Minh Sử thì có phải đã khá rồi không?”.

Y hậm hực quay về khách điểm, cầm chiếc bao rút toẹt lên bàn, rồi lăn ra ngủ, khi tỉnh dậy thì trời đã tối, giờ ăn của quán cũng qua rồi, y cũng không buồn gọi mang cơm lên, vừa buồn bực vừa đói lòng càng thêm day dứt nên không sao ngủ được, khi ấy mới cởi chiếc bao, lật bộ Minh Thư Tập Lược ra xem. Vừa xem được vài trang bỗng thấy ánh vàng lấp lánh, hóa ra có một lá vàng. Tim Ngô Chi Vinh đập thình thịch, vội vàng đưa lên xem kỹ, chẳng phải vàng y thì là gì? Y vội vàng cầm lên giữ giữ, trong sách rơi ra đủ mười lá vàng, mỗi lá ít nhất cũng phải năm tiền, mười trương vàng lá ấy là năm lượng hoàng kim. Thời đó vàng quý, năm lượng vàng tính ra bằng bốn trăm lượng bạc.

Ngô Chi Vinh mừng không đâu kể xiết, nghĩ thầm: “Lão họ Trang quả là giáo quyết, y sợ mình xin bộ sách này rồi về quăng đi, không thêm mở ra, thành ra mới cài vàng lá vào trong sách, để nếu ai chịu đọc sách của con y thì người ấy có phúc nhất được tiền. Đúng rồi, ta phải đọc vài trang học thuộc vài đoạn, sáng mai đến nhà y tạ y tặng vàng, tiện thể sẽ ca tụng văn chương thêm một chap nữa. Y sung sướng không chừng lại cho thêm vài lạng vàng nữa”.

Y bèn khêu đèn cho sáng, mở sách ra đọc, đọc đến đời Vạn Lịch năm thứ bốn mươi bốn, Thái Tổ nhà Hậu Kim Nỗ Nhi Cáp Xích tức vị, quốc hiệu là Kim, niên hiệu Thiên Mệnh, đột nhiên hơi giật mình: “Năm Bính Thìn Vua Thái Tổ lên ngôi, từ năm đó trở đi, không còn dùng niên hiệu Vạn Lịch nhà Minh nữa, phải dùng Thiên Mệnh nguyên niên mới phải”.

Y tiếp tục đọc xuống dưới thấy năm Đinh Mão Kim Thái Tông tức vị rồi, trong sách vẫn đề năm thứ bảy Thiên Khải đời Minh chứ không đề Đại Kim Thiên Thống nguyên niên. Từ năm Bính Tí trở đi nhà Hậu Kim đổi quốc hiệu là Thanh, cải niên Sùng Đức, vậy mà trong sách vẫn đề Sùng Trinh năm thứ chín chứ không chép là Đại Thanh Sùng Đức nguyên niên, năm Giáp Thân trong sách viết năm Sùng Trinh thứ mười bảy chứ không viết Đại Thanh Thuận Trị nguyên niên. Đến sau khi Thanh bình nhập quan rồi, năm Ất Dậu sách vẫn chép Long Võ nguyên niên, năm Đinh Hợi thì chép Vĩnh Lịch nguyên niên mà hai niên hiệu Long Võ, Vĩnh Lịch chẳng qua chỉ là của Đường Vương, Quế Vương, người viết sách rõ ràng tôn lên như những vị vua chính thống của Minh triều, chẳng coi Thanh triều vào đâu. Y đọc đến chỗ này, nhin không nổi vỗ bàn kêu lên:

- Phán tặc! Phán tặc! Rõ rành rành ra đây rồi!

Y vỗ mạnh quá chiếc bàn rung rinh khiến ngọn đèn lật nghiêng, dầu sóng ra dính đầy bàn tay y. Trong đêm tối y chợt nghĩ ra, hết sức mừng rỡ như điên cuồng: “Cái này chẳng phải là ông trời cho mình một món hoạnh tài hay sao? Thặng quan phát tài cũng ở đây mà ra cả”.

Y nghĩ thế trong lòng sướng quá bất giác kêu ầm lên. Bỗng nghe điểm tiêu nhị gõ cửa hỏi vọng vào:

- Khách quan! Khách quan! Có chuyện gì thế?

Ngô Chi Vinh cười đáp:

- Không có gì cả.

Y đốt đèn dầu lên, đọc lại một lần nữa. Tối hôm đó y đọc suốt tới khi gà gáy mới để nguyên quần áo lên giường nằm nhưng vì mới tìm thêm ra đến bảy tám chục chỗ văn tự cấm kỵ thành thử trong giấc mơ cũng vẫn thỉnh thoảng cười sảng sặc.

Mỗi khi thay đổi một triều đại, niên hiệu của tân triều cực kỳ quan trọng rất dễ phạm cấm vì ngôn ngữ văn tự dễ khiến cho người ta nhớ lại cựu trào.

Minh Thư Tập Lược chép chuyện đời Minh, dùng niên hiệu nhà Minh đúng ra không có gì sai quấy nhưng trong khi việc nghiêm cấm còn gay gắt thì chỉ sơ xảy một chút cũng mang họa vào thân. Những người tham gia tu sử, đại đa số chỉ giúp vài quyển, chẳng ai đọc hết từ đầu chí cuối, lại thêm những ai giúp việc sửa đổi mấy quyển cuối là những người hận Thanh triều thấu xương, có ai chịu dùng niên hiệu Đại Thanh. Trang Đình Long là con nhà giàu có, hai mắt lại lòa không khỏi sơ xuất khiến cho kẻ tiểu nhân có dịp nước đục thả câu.

Trưa hôm sau, Ngô Chi Vinh lập tức xuống thuyền đi về hướng đông đến Hàng Châu, ở trong khách điểm viết một lá thư cáo giác, kèm luôn bộ Minh Sử đưa vào trong phủ Tùng Khôi tướng quân. Y chắc mẩm Tùng Khôi khi nhận được lá thư rồi thể nào cũng gọi y vào gặp mặt. Khi đó người Mãn Châu tra xét những âm mưu phản nghịch rất nghiêm ngặt, ban thưởng rất hậu, y lập được công to như thế này, được phục chức làm quan thể nào cũng chắc, có khi còn thăng lên mấy cấp nữa.

Ngờ đâu y ở tại khách điểm chờ đợi mãi mòn, luôn đến hơn nửa năm, ngày ngày đến cửa phủ tướng quân nghe ngóng hỏi han nhưng chỉ như ném hòn đá xuống biển, chẳng thấy tăm hơi đâu cả. Về sau y bị những kẻ canh cửa trách mắng đuổi đi không cho y đến mè neho nữa.

Ngô Chi Vinh trong lòng bồn chồn, mấy lá vàng Trang Duẫn Thành tặng

cho đã đổi ra bạc tiêu sạch rồi mà việc cáo giác chưa đi đến đâu cả, vừa buồn bực, lại vừa kinh ngạc.

Hôm đó y lang thang trong thành Hàng Châu đi ngang qua nhà sách Văn Thông Đường mới đi vào định coi ké cho qua ngày giờ, thấy trên giá sách có bày ba bộ Minh Thư Tập Lục, nghĩ thầm: “Không lẽ những chỗ mình tìm thấy không đủ để làm tội Trang Duẫn Thành hay sao? Phải tìm thêm vài chỗ đại nghịch bất đạo khác, sáng mai viết thêm một bản cáo trạng trình lên phủ tướng quân lần nữa”. Tuần phủ Chiết Giang là người Hán, còn tướng quân là người Mãn Châu, y sợ tuần phủ không muốn gây ra vụ đại án văn tự ngục này nên định bụng sẽ cáo giác với tướng quân người Mãn.

Y lật một bộ ra xem, mới coi vài trang đã hết hồn hết vía, chẳng khác gì rơi tọt vào một hầm nước đá, hoang mang vô định, không còn biết đâu vào đâu, bao nhiêu chỗ cấm kỵ trong sách tuyệt nhiên biến mất không thấy tăm hơi, từ khi Thái Tổ nhà Đại Thanh khai quốc trở về sau đều biến thành niên hiệu của Mãn Châu cả, đến cả việc Vệ đô đốc đánh vào Kiến Châu (thân thích của tổ tông nhà Mãn Thanh), cùng các nơi chép về Long Võ, Vĩnh Lịch cũng chẳng còn gì nữa. Thế nhưng văn chương từ trước tới sau đều liên lạc, những tranh sách đều mới tinh không thấy dấu vết gì tẩy xóa, không hiểu sao lại biến hóa ra thế này thực là hết sức quái lạ.

Y tay cầm bộ sử đứng trong hiệu sách ngơ ngẩn như trời trồng, qua một hồi sau mới buột miệng kêu lên:

- Đúng rồi!

Y thấy bộ sách này ngoài bìa cũng như giấy bên trong đều mới tinh mới quay qua chủ tiệm hỏi kỹ thì ra nhà buôn từ Hồ Châu mới giao lại chỉ độ bảy tám ngày gần đây. Y nghĩ bụng: “Tên Trang Duẫn Thành kia ghê gớm thật! Quả đúng là “có tiền mua tiên cũng được”, y thu hồi sách cũ, in lại bản mới làm như sách vừa in xong, còn bao nhiêu sách cũ những đoạn cấm kỵ xé bỏ

cả rồi. Ôi, không lẽ mình đành bỏ cuộc hay sao?”.

Những gì Ngô Chi Vinh suy nghĩ quả đúng như thế. Thì ra Tùng Khôi tướng quân của Hàng Châu không biết chữ Hán, người sư gia trong phủ đọc được bản cáo giác của Ngô Chi Vinh ai nấy toát mồ hôi lạnh, biết rằng chuyện này liên quan cực kỳ lớn lao, cầm lá thư mà hai tay run bần bật.

Người đề lại đó họ Trình, tên Duy Phiên, là người Thiệu Hưng tỉnh Chiết Giang. Thời hai triều Minh Thanh, đề lại trong các phủ huyện mười người đến chín là người Thiệu Hưng, thành thử hai chữ “sư gia” bao giờ cũng thêm “Thiệu Hưng” để thành “Thiệu Hưng sư gia”. Người đề lại đó học được kinh nghiệm của những người đi trước, thành thử làm việc đâu ra đấy cực kỳ chín chắn. Trong phủ quan mỗi khi có công văn đều do sư gia xem trước, đa số là văn thư từ các cấp hạ liêu đồng hương trình lên để khỏi có điều trách móc chê bai. Thành ra quan chức lớn nhỏ mới đảo nhiệm sở, cần nhất là phải bỏ tiền mua chuộc những vị đề lại Thiệu Hưng. Hai triều Minh Thanh tuy đất Thiệu Hưng không mấy người làm quan lớn thế nhưng lại thao túng bút mực hành chánh suốt cả trăm năm, là một kỳ tích trong lịch sử chính trị Trung Quốc.

Gã Trình Duy Phiên bụng dạ trung hậu, tin tưởng vào điều “một đời làm lại gia hại ba đời”, đã mang thân vào chốn công môn thì nên khéo đường tu. Cũng phải nói thao túng sinh sát bách tích tuy trong tay các quan thật, nhưng đề lại chỉ thêm bớt vài chữ là có thể làm cho người ta tan cửa nát nhà, còn như khai đường mở lối một câu, cũng có thể là chết đi sống lại, thành thử nếu ở cửa quan cứu người còn to lớn gấp mấy lần nương thân thiên môn tụng kinh gõ mõ. Y thấy vụ án Minh Sử này có thể gây nên đại họa, không biết vùng Tô Chiết bao nhiêu người táng mạng phá gia, nên vội vàng xin tướng quân cho nghỉ vài ngày, lập tức đi thuyền đến trấn Nam Tầm Hồ Châu cáo tri Trang Duẫn Thành.

Trang Duẫn Thành thấy đại họa đổ ập xuống đầu mình, kinh hãi đến mất hồn mất vía, miệng há hốc, nước dãi chảy lòng thòng, không còn biết tính làm sao, một hồi lâu mới vội vàng đứng lên quì gập xuống lạy tạ đại ân của Trình Duy Phiên rồi vắn kể y xem phải làm gì.

Trình Duy Phiên trên đường đi từ Hàng Châu đến Nam Tầm đã suy đi tính lại, tìm ra được một cách thật hay, nghĩ thầm bộ Minh Thư Tập Lược này lưu truyền đã lâu, có dấu cũng không được, chỉ bằng thi hành kế “phủ đề trừu tân”, một mặt sai người đi khắp các tiệm sách, thu hồi tất cả các bộ Minh Sử về tiêu hủy, một mặt thuê công nhân ngày đêm in lại bản mới, bỏ hết những chỗ húy kỵ rồi đem ra lưu hành. Nếu như quan phủ có truy cứu, tra xét bản mới thấy những lời cáo giác của Ngô Chi Vinh không đúng sự thực, thế là thoát được một mối họa bất ngờ.

Y bèn nói kế đó cho Trang Duẫn Thành nghe khiến ông lão vừa mừng vừa sợ, liên tiếp rập đầu tạ ơn. Trình Duy Phiên lại chỉ hết mọi đường đi nước bước, nơi nào chỗ nào cần dứt lốt bao nhiêu, cửa nào quan nào cần đấm mõm, Trang Duẫn Thành vâng vâng dạ dạ nghe theo cả.

Trình Duy Phiên quay trở về Hàng Châu, chờ đến hơn nửa tháng rồi mới đem lá thư của Ngô Chi Vinh và bộ sách trình lên cho tuần phủ Chiết Giang là Chu Xương Tộ, viết thêm vài hàng vào công văn, nói là người cáo buộc âm ức vì chuyện bị mất chức tri huyện, xin xỏ không cho để bụng thù hằn, vậy xin phủ đài tra xét minh bạch.

Trong khi Ngô Chi Vinh mòn con mắt ở khách điểm đợi chờ thì tiền bạc Trang Duẫn Thành đổ ra như nước mua chuộc khắp nơi. Hậu lễ của họ Trang đã rải khắp cửa tướng quân, cửa tuần phủ, cửa học chính rồi, nên Chu Xương Tộ nhận được văn thư, cho rằng loại sách vở như thế này là chuyện của học chính ti cai quản, lại dìm đó thêm mười ngày nữa mới gửi sang bên ti học chính. Đề lại bên học chính ngô môn lại bỏ xó thêm nửa tháng nữa, rồi

cáo ốm nghỉ ở nhà một tháng, sau đó mới viết nhì nhằng gửi cho phủ Hồ Châu. Quan phủ Hồ Châu lại ngâm tằm thêm hai mươi ngày mới gửi sang học quan huyện Qui An và Ô Trình, yêu cầu hai người xem xét. Hai viên học quan này vốn đã được Trang Duẩn Thành dúi cho một món tiền to, khi đó bản mới đã in ra xong, hai người liền đem bộ đó trình lên rằng:

“Bộ sách này tầm thường sơ sài, chẳng có gì là xách động được nhân tâm, đã xem xét thật kỹ từ đầu chí cuối, không thấy chỗ nào phạm cấm cả.”

Nơi nào trình lên cũng đều thế cả, chuyện kể như xong.

Ngô Chi Vinh phát hiện bản Minh Sử mới trong thư quán, nghĩ thầm chỉ có cách nào kiếm ra được một bộ nguyên bản thì mới xin tái thẩm được thôi.

Những bộ Minh Sử bản cũ ở tất cả các nhà sách tại Hàng Châu Trang Duẩn Thành đều đã mua lại hết rồi nên y vội vàng sang miền đông huyện Tích Châu lòng sục thế nhưng cũng không tìm đâu ra. Y hết sức thất vọng đành phải bỏ cuộc về quê. Thế nhưng việc cũng lạ đời, trên đường đi tại một khách điểm trông thấy chủ quán đang đọc sách, vừa đọc vừa lắc đầu, nhìn kỹ lại hóa ra y đang đọc bộ Minh Thư Tập Lược. Y mượn coi qua, té ra đó là nguyên bản. Y mừng không đâu cho xiết, nghĩ bụng nếu như đòi mua lại chắc gì y đã chịu bán, huống nữa trong túi lại hết tiền lấy gì mà mua, chi bằng ăn cắp cho xong.

Đến đêm khuya y len lén trở dậy, trộm được bộ sách liền trốn đi ngay, thấy tỉnh Chiết Giang chỗ nào quan lại cũng bị Trang Duẩn Thành mua chuộc hết rồi, thôi thì đâm lao phải theo lao, đành lên tận Bắc Kinh cáo giác.

Ngô Chi Vinh lên đến Bắc Kinh, liền viết ngay một tờ trình, cáo giác với bộ Lễ, Đô Sát Viện và Thông Chính Ty ba nơi, nói rõ họ Trang đút lót các nơi thế nào để đổi bản in mới.

Ngờ đâu y ở kinh thành chờ đến hơn một tháng, cả ba nơi đều trước sau trả lời, nói là đã xem kỹ Minh Thư Tập Lược của Trang Đình Long, nội dung

không có chỗ nào phạm cấm, những điều tri huyện bị cách chức là Ngô Chi Vinh cáo buộc, không phải chuyện thực, hiển nhiên chỉ vì thù ghét mà vu oan cho người ta, còn như quan lại ăn của đút gì gì đó, đều chỉ là những chuyện vu vơ đặt điều không nói thành có. Tờ phúc đáp của Thông Chính Ty còn gay gắt hơn nói rằng:

“Tên Ngô Chi Vinh vì tham ô mà bị cách chức, cứ tưởng quan lại trên đời này ai ai cũng như y cả.”

Thì ra Trang Duẩn Thành đã được Trình Duy Phiên chỉ bảo nên đã đem bộ Minh Sử mới gửi lên tặng bộ Lễ, Đô Sát Viện và Thông Chính Ty rồi, các quan lại sư gia người nào cũng đều đã được tặng hậu lễ.

Ngô Chi Vinh lại bị thêm một vố đau nữa, thấy dấu có về quê cũng chẳng xong, chỉ còn có nước lưu lạc ăn nhờ ở đậu nơi đất lạ. Thời đó người Thanh đối với văn nhân người Hán cực kỳ khắc nghiệt, nếu viết gì có chút cảm ky là xử tử ngay, Ngô Chi Vinh nếu như tố cáo một kẻ tầm thường thì đã xong rồi, có điều đối thủ lại là một gia đình giàu có, thành ra mới khó khăn đến thế. Có điều đã đến nước cùng không còn đường lui, thôi thì dấu có ngồi tù thì cũng phải theo đuổi cho đến đầu đến đũa, thành thử viết thêm bốn tờ bẩm thiếp nữa, trình lên bốn vị cố mệnh đại thần, rồi lại ngồi trong khách điểm viết thêm mấy trăm tờ truyền đơn, kể rõ khúc nhôi đem dán khắp thành Bắc Kinh.

Việc đó của y quả là làm liều, nếu như quan phủ truy ra gán cho cái tội ăn càn nói rõ, ưu loạn nhân tâm thì không tránh khỏi cái tội sát thân.

Bốn viên cố mệnh đại thần đó tên là Sách Ni, Tô Khắc Tát Cáp, Át Tát Long, Ngao Bái[4] đều là khai quốc công thần của nhà Mãn Thanh. Khi vua Thuận Trị từ trần đã để di chiếu ủy thác cho bốn người này phụ chính. Trong bốn người đó thì Ngao Bái là kẻ bạo ngược nhất, trong triều phe đảng của y cực đông, đại quyền nhà Thanh dường như một tay y nắm hết. Y sợ rằng

đảng đối nghịch gây chuyện bất lợi cho mình cho nên sai ra rất nhiều thám tử, trong ngoài kinh thành dò xét động tĩnh.

Hôm đó y được mật báo, nói là trong thành Bắc Kinh xuất hiện vô số truyền đơn, tố giác tên dân họ Trang ở Chiết Giang viết sách mưu phản, đại nghịch bất đạo nhưng quan lại Chiết Giang ăn của đút nên ém nhem đi không lý đến.

Ngao Bái nhận được tin đó lập tức tra xét, cũng vừa lúc tờ cáo trạng của Ngô Chi Vinh vào đến phủ, phong ba bão tố nổi lên. Y cho đòi Ngô Chi Vinh vào gặp, hỏi han ngọn ngành đầu đuôi rồi cho bọn thủ hạ người Hán xem kỹ nguyên bản Minh Sử, những lời nói ra quả nhiên là thật.

Ngao Bái vốn do công lao trận mạc mà được phong đến tước Công, làm quan to, trước nay vẫn ghét bỏ người Hán và bọn nho sĩ, bây giờ chấp chương đại quyền đang rình rập để lập vài vụ đại án, trấn nhiếp nhân tâm, để người Hán không dám có bụng phản loạn, lại khiến những kẻ đối nghịch trong triều chẳng dám ho he. Y lập tức phái khâm sai xuống Chiết Giang tra cứu.

Chuyện như thế, lẽ dĩ nhiên toàn gia họ Trang bị giải về kinh, mà cả tướng quân Hàng Châu là Tùng Khôi, tuần phủ Chiết Giang Chu Xương Tộ cùng quan viên lớn bé, đều bị cách chức để điều tra. Những danh sĩ được liệt kê trên cuốn Minh Sử, không ai là thoát khỏi cảnh tù đầy.

Cố Viêm Võ, Hoàng Tông Hi hai người ở trong nhà Lã Lưu Lương kể lại từ đầu chí cuối nguyên do vụ án rồi, Lã Lưu Lương chỉ còn nước thở dài sườn sượt. Đêm hôm đó ba người kê giường cạnh nhau bàn tán, nghị luận chuyện đời, nhắc đến thời Minh mật bọn thái giám Ngụy Trung Hiền hãm hại trung lương, lũng đoạn triều chính, làm chuyện trái tai gai mắt, đến nỗi Minh thất bị sụp đổ. Trung Quốc rơi vào tay người Mãn Thanh rồi, người Hán càng bị chém giết thảm khốc hơn, tai họa càng sâu không ai không khỏi chau mày

nghiến rằng.

Sáng sớm hôm sau, toàn gia Lã Lưu Lương và Cố Hoàng hai người xuống thuyền đi về hướng đông. Ở Giang Nam những nhà khá giả đều có sẵn thuyền, đường thủy giăng mắc tứ phía, dày đặc như mạng nhện nên ai ai cũng đi bằng thuyền, thành thử mới có câu “người Bắc đi ngựa, người Nam đi thuyền”, từ xưa đã thế.

Đến Hàng Châu, theo Vận Hà đi thuyền ngược lên mặt bắc. Tối hôm đó ở ngoài thành Hàng Châu nghe ngóng tin tức, Thanh triều nhân vụ án này chém giết rất nhiều quan viên bách tính; Trang Đình Long chết rồi cũng bị quật mồ lên, còn Trang Duẫn Thành ở trong ngục chịu khảo đả không nổi cũng đã từ trần, nhà họ Trang mấy chục người, từ mười lăm tuổi trở lên đều bị xử trảm, vợ con thì bị đày đi Phiên Dương, làm nô tì cho các kỳ binh Mãn Châu. Tiền Lễ Bộ thị lang Lý Lệnh Triết là người đề tựa thì bị lăng trì xử tử, bốn người con bị xử trảm. Đứa con út của Lý Lệnh Triết mới mười sáu tuổi, pháp ty thấy giết nhiều người quá trong dạ cũng xót xa nên bảo y khai thút đi một tuổi, chiếu theo luật nhà Thanh, từ mười lăm tuổi trở xuống được miễn tội chết mà chỉ phải sung quân.

Thiếu niên đó nói:

- Cha tôi anh tôi đều chết cả rồi, tôi cũng chẳng muốn sống một mình.

Y nhất định không đổi lời khai nên cũng bị chém đầu. Tùng Khôi, Chu Xương Tộ bị giam trong ngục chờ thẩm vấn, còn mạc khách Trình Duy Phiên thì bị lăng trì bỏ ngoài chợ. Hai học quan ở Qui An, Ô Trình đều bị chém. Vụ án cứ thế mà lan ra, những người vô tội bị giết không biết bao nhiêu mà kể. Tri phủ Hồ Châu là Đàm Hi Mẫn mới nhận chức chưa đầy nửa tháng, triều đình kết tội biết mà không tâu lên, ăn tiền che đậy, cùng với án sát Lý Hoán, huân đạo Triệu Trinh Đồng bị tội treo cổ.

Ngô Chi Vinh thù hận phú hộ Nam Tầm là Chu Hựu Minh sâu cay hơn cả vì

hôm đó đến vôi vỉnh bị y chửi cho một trận, tổng cổ đuổi đi nên cung khai với pháp ty phụ trách vụ án rằng cuốn sách có ghi rõ chiếu theo “Chu thị nguyên cáo thêm bớt nhuận sắc mà thành”,

họ Chu đây chính là Chu Hựu Minh đó. Y còn tán thêm là cái tên Chu Hựu Minh, hiển nhiên lòng vẫn còn nhớ về thời trước, nguyên rửa bản triều. Chỉ vì thế mà Chu Hựu Minh cùng năm đứa con trai đều bị chém, tài sản hơn chục vạn của nhà họ Chu, Thanh đình hạ lệnh thưởng cả cho Ngô Chi Vinh. Thảm khốc hơn hết, những công nhân khắc bản, ấn loát, bọc bìa, cho chí cả đến những lái buôn, chủ tiệm sách, người làm luôn cả kẻ mua người đọc, tra xét ra cũng bị chém đầu hết. Cứ theo sách sử còn ghi chép, thời đó ở Tô Châu, Hử Thự Quan có một chủ sự thuê khóa tên là Lý Thượng Bạch, tính thích đọc sử, nghe nói nhà sách Xương Môn ở Tô Châu có một bộ Minh Sử mới in, nội dung rất hay nên sai một công dịch sang mua. Người công sai đó đến nơi thì chủ nhân của thư cục đó đi ra ngoài nên y bèn sang nhà một ông lão họ Chu ở bên cạnh ngồi chờ cho tới khi người chủ trở lại mua sách mang về. Lý Thượng Bạch đọc được mấy quyển, cũng không để ý. Ngờ đâu, mấy tháng sau vụ án nổ ra, tra cứu các nhà sách xem những ai mua. Khi đó Lý Thượng Bạch đang công cán tại Bắc Kinh, bị khép vào tội đọc nghịch thư, trăm quyết ngay tại chỗ. Chủ nhân nhà sách và gã công dịch bị sai đi mua cũng bị chém đầu. Đến cả ông già họ Chu kẻ bên cũng bị liên lụy về tội biết kẻ đi mua nghịch thư mà không báo ngay lại còn để cho y ngồi trong nhà chờ đáng lý tội phải chết chém nhưng nghĩ tình tuổi đã bảy mươi nên miễn cho, chỉ bị cùng vợ con đày ra biên ải.

Còn như danh sĩ Giang Nam là bọn Mao Nguyên Tích, vì Trang Đình Long ngưỡng mộ đại danh, trong sách có liệt kê tên tham hiệu, nhất loạt đều bị lăng trì cả thảy mười bốn người trong một ngày. Lăng trì xử tử là bị cắt từng nhát dao trên khắp người để cho phạm nhân chịu mọi đau khổ, lúc ấy mới

chết. Chỉ vì một bộ sách mà không biết bao nhiêu gia đình nhà tan người mất.” (Kim Dung – Lộc Đĩnh Ký , ch. 1 – bản dịch Nguyễn Duy Chính)

Kim Dung đã dựa khá nhiều vào ngoại sử và địa phương chí để tường thuật lại biến cố này, và mặc dù có đôi chỗ phóng đại, những chi tiết đại lược đều chính xác, kể cả những nhân vật không mấy quan trọng.

LỊCH SỬ

Có lẽ khó mà hình dung được toàn cảnh khi chúng ta chỉ nhấn mạnh vào một biến cố mà quên đi cái lịch sử trước và sau sự việc. Vụ án văn tự đời Thanh không phải là một hiện tượng đơn lẻ mà chỉ nổi bật vì đánh dấu một thời kỳ, nhất là vụ án đó đưa đến nhiều cuộc truy nã và thẩm sát mà đối tượng là giới văn nhân miền Hoa Nam. Người ta đã bỏ quên cái thế chông chênh của Thanh triều khi lập quốc, là một số bộ tộc vùng Đông Bắc, tràn xuống cai trị cả một khối đại chúng người Hán lớn gấp bội họ về dân số cũng như về đất đai. Trán áp dường như là mẫu số chung của bất cứ thế lực cai trị nào cảm thấy vị trí của mình mang nhiều bất ổn, từng xảy ra ở nhiều triều đại trong quá khứ, nổi bật nhất là đời Tần, đời Nguyên vì họ cũng từ bên ngoài vào cai trị Trung Nguyên nhưng không phải thảm khốc hơn đời Minh, đời Hán là những triều đại của chính dân tộc Trung Hoa. Có điều người ta nhắc nhiều và dễ phóng đại về một kẻ thù hơn là nói về chính mình. Điều đó cũng dễ hiểu và tâm thức đó hiện diện trong cả lịch sử, trong mọi dân tộc, kể cả người Việt chúng ta. Chúng ta ít nói đến, hay nói một cách sơ lược về những vụ tàn sát hàng chục ngàn người Chiêm Thành, người Chân Lạp khi ông cha ta Nam tiến nhưng lại kết án nặng nề những vụ đàn áp dưới thời Pháp thuộc, mặc dầu số lượng nạn nhân có thể ít hơn nhiều. Rộng rãi với mình, khắt khe với người âu cũng là chuyện thường tình.

Vua Thuận Trị nhà Thanh (1644-1661) băng hà lúc mới 23 tuổi, để di chiếu

lại cho 4 vị cố mệnh đại thần phụ chính cho người con trai mới lên 7 tuổi của ông là Huyền Diệp (玄燁, Hsuan-yeh) lên ngôi lấy niên hiệu Khang Hi[5]. Bốn người đó là Sách Ni (索尼, Soni), Tô Khắc Tát Cáp (蘇克薩哈, Suksaha), Át Tát Long (遏必隆, Ebilun), và Ngao Bái (鰲拜, Oboi).

Cả bốn người này đều thuộc Thượng Tam Kỳ, là cơ quan đầu não trong triều đình. Sách Ni thuộc Chính Hoàng Kỳ, Át Tát Long và Ngao Bái thuộc Tương Hoàng Kỳ còn Tô Khắc Tát Cáp thuộc Chính Bạch Kỳ[6]. Chính Hoàng và Tương Hoàng vốn là quân đội chủ lực của Hoàng Thái Cực (tức vua Thái Tông nhà Hậu Kim Aberhai) còn Chính Bạch Kỳ là quân do Đa Nhĩ Cổn (tức vua Thái Tổ nhà Hậu Kim Nurhachi)[7] thống lĩnh. Cả bốn người này đều đã lập nhiều công lao chiến trận trong đó Sách Ni, Tô Khắc Tát Cáp và Át Tát Long đã được phong đến chức Giáp Lạt Chương Kinh, trông coi một phần năm của kỳ binh, đời đời thế tập, ngang hàng Nam tước. Riêng Tô Khắc Tát Cáp còn được phong Thái Tử Thái Bảo và Át Tát Long được phong Thiếu Phó, Thái Tử Thái Bảo. Riêng Ngao Bái gốc bộ tộc Guwalgiya - một bộ lạc rất dũng mãnh và hiếu chiến - chỉ thuần túy là một võ quan có nhiều công trận và được phong Nam tước kiêm danh hiệu dũng sĩ (baturu – Ba Đồ Lỗ). Cũng cần nhắc lại là người Mãn Châu cũng như người Mông Cổ gồm nhiều bộ tộc và thường đánh lẫn nhau cho tới khi Nurhachi thống nhất được toàn thể khi vực và trở thành một lực lượng đáng kể. Chính vì thế, giữa các phụ chính đại thần, vốn dòng dõi những bộ lạc thù nghịch vẫn có những bất đồng và cuộc tranh chấp còn kéo dài cho đến khi Ngao Bái lần lượt được tất cả để trở thành nhân vật khuynh loát cả triều đình[8].

Giai đoạn này người Mãn Châu mới làm chủ Trung Nguyên và tổ chức hành

chánh vẫn mang nhiều tính chất trấn áp, nặng về quân sự và trừng trị hơn là xây dựng một xã hội có trật tự. Điều đó cũng dễ hiểu vì sau khi họ tiến vào Bắc Kinh (1644), nhà Thanh còn phải đối phó với rất nhiều nhóm nổi dậy và chinh chiến triền miên mấy chục năm sau vẫn chưa hết.

Để duy trì được quyền lực, họ áp dụng một chính sách độc tài lấy bạo lực làm cơ sở (authoritarianism). Những cấm kỵ gay gắt được đặt ra – và vụ án Minh Sử cũng vì thế mà phát sinh. Nực cười hơn cả là việc kỵ húy đó lại là một sản phẩm của văn minh Trung Nguyên, kiêng cử trở thành một lễ thói, kể cả việc kiêng tên, cấm đoán áp dụng trong thi cử do chính người Hán đặt ra.

Hai biến động quan trọng nhất mang tính chất “dần mặt” tại Giang Nam là vụ Thuế ở Giang Nam (Kiangnan Tax Case) và vụ án Minh Sử (Ming History Case).

Vụ Thuế Giang Nam

Vụ án xảy ra năm 1661 ở bốn phủ Tô Châu (Soo-chou), Thường Châu (Ch'ang-chou), Trấn Giang (Chen-chiang) và Tùng Giang (Sung-chiang) mà cao điểm là tại Tô Châu ngay miền bắc Thái Hồ.

Giang Nam là địa khu vẫn nổi tiếng là văn vật, lắm nhân tài và chính trong triều Thanh đã sản sinh rất nhiều danh nho. Tuy nhiên vùng Giang Nam cũng lại là nơi bị triều đình trù dập, vừa là nơi hoạt động của dư đảng nhà Minh, lại là nơi các sĩ tử luôn luôn có ý ngầm ngầm chống đối.

Triều đình vì thế đã đánh thuế vùng này cao hơn những vùng khác, lại nhiều sưu dịch (corvée) và những loại phụ thu. Dân bản địa cũng bị đối xử kỳ thị và không được giữ những chức vụ cao trong chính quyền và việc khác biệt đó chỉ được bãi bỏ kể từ năm 1660, 16 năm sau khi người Mãn Châu làm chủ Trung Nguyên.

Năm 1661, ngự sử Trương Phượng Khởi (張鳳起) tâu rằng bốn phủ Tô, Thường, Tùng, Trấn đã bị thất thu thuế nặng nề và yêu cầu trừng trị nặng những quan lại trấn nhậm tại đây. Trong biểu chương có viết: “Thuế là việc hết sức cần yếu cho quân đội và triều đình, thành thử các quan lại phải chăm lo việc thu thuế. Chỉ khi nào hoàn thành được nhiệm vụ thu thuế, lúc đó mới thực sự làm tròn trách nhiệm của một đường quan. Gần đây thần xem xét các tấu chương của quan viên thấy Trục Lệ và các tỉnh đã khiếm ngạch nặng nề... Triều đình phải chờ cho các tỉnh có hoàn thành nhiệm vụ hay không trước khi thuyên chuyển hay thăng cấp cho họ[9]” Cứ như thế, triều đình đã đặt gánh nặng lên quan lại, coi như hàng năm họ phải thực hiện một số chỉ tiêu nào đó nhất định thay vì uyển chuyển theo tình hình kinh tế địa phương. Quan lại đã vô tình đóng vai trò một người thu thuế hơn là đặt trọng tâm vào việc cai trị.

Vụ án đầu đuôi xảy ra như sau:

Một quan huyện mới được bổ nhiệm có cử chỉ khinh mạn cấp trên nên bị hăm he là sẽ bị trừng trị nếu không làm tròn nhiệm vụ thu thuế. Y bèn áp dụng những phương pháp tàn nhẫn để áp bức lương dân khiến cho người người oán hận. Đời xưa, mỗi khi có hàm oan, dân chúng thường dùng hai biện pháp. Một là khóc ở trong miếu đền để cáo tố với qui thân (khóc miếu - 哭廟), hai là đầu đơn tố cáo với triều đình để xin tiêu hủy bản án (tấu tiêu án - 奏銷案).

Vào tháng 3 năm 1661, khi các quan đang tế ở Không Miếu đất Tô Châu, trong đó có cả tổng đốc sở tại thì khoảng 100 nho sinh kéo đến khóc lóc đầu đơn xin bãi chức viên quan huyện. Những người cầm đầu lập tức bị bắt giam. Sau vụ này, viên tổng đốc ra lệnh cho phải truy lùng gắt gao những kẻ

nạp thuế trễ, nhiều nơi quan lại phải hết sức tích cực để cho sớm hoàn thành nhiệm vụ. Thế nhưng cũng còn có chỗ chưa chu toàn, theo tấu chương của quan tổng đốc có đến 13,517 người có máu mặt chưa nạp thuế và 254 nha lại còn dùng dằng. Những kẻ có mặt trong vụ biểu tình bị tố cáo ngoài tội khi quân còn có liên lạc với Trịnh Thành Công ở Đài Loan.

Bốn viên cố mệnh đại thần phụ chính hoàng đế lập tức cho mở cuộc điều tra để lùng bắt bọn phản tặc. Đến lúc này, bao nhiêu tội vạ của việc thiếu thuế đổ lên đầu bọn nho sinh, những kẻ tham gia vụ khốc miếu và cả những người bị vu cáo là liên lạc với họ Trịnh đều bị triều đình bắt và kết án phản nghịch.

Vào tháng 5 năm 1661, khâm sai được phái xuống Giang Nam thiết lập một công đường ở Nam Kinh. Tất cả 22 người bị đánh đập, tra khảo và tất cả đều nhận tội trốn thuế và có âm mưu phản loạn. Ngày mùng 7 tháng 8 năm 1661, tất cả bị đưa ra pháp trường:

“Vào giờ hành quyết, quảng trường được binh sĩ bao quanh dưới quyền giám trăm của quan Tổng Đốc. Khoảng giờ Mão, các phạm nhân được đưa ra khỏi nhà ngục, tay bị trói giật cánh khi, mỗi người sau lưng cầm một cây cờ, miệng bị nhét hạt dẻ. Mỗi người có hai người lính áp giải hai bên đẩy đi trên đường phố. Thân nhân và những người đi xem muốn tiến đến gần hơn bị lính dùng giáo và sông gươm gạt ra. Chỉ một lát, tiếng súng lệnh nổ vang, đầu người rơi xuống. Lính túa ra khắp bốn bề, quan dân đều dạt ra, chỉ còn lại những bãi máu và những tử thi cụt đầu trên pháp trường...”[10]

Hậu quả của vụ án Giang Nam còn theo đà lan rộng. Nhiều nơi bị truy bức, nhiều nhà bị tịch biên, nhiều nho sĩ bị tước bằng cấp chức vụ. Theo ước tính có đến 11,346 người bị lột chức sinh viên (cũng tương đương như khóa sinh của ta, nghĩa là đậu được kỳ sách hạch tại tỉnh để có tư cách đi thi hương). Nhiều nho sĩ tiếng tăm và quan lại đất Giang Nam bị mất chức.

“Ngoài thành phần quan lại địa phương bị giáng cấp hay cách chức, giới nho sĩ và sinh viên bị tước mất danh hiệu lên đến hàng trăm ở địa phương nhỏ và lên đến hàng ngàn ở khu vực lớn. Bị đặt vào trong tình trạng thanh trù, sau này số người vào làm việc ở nha môn chỉ còn một nhóm và những khoa thi mở ra cũng chỉ lèo tèo vài người dám ghi tên ứng thí mà thôi.”[11]

Sau vụ án này, người dân Giang Nam hận thù triều đình Mãn Thanh khôn tả khiến vua Khang Hi phải tìm cách để cho họ nguôi ngoai. Năm 1679, khi triều đình mở khoa thi bác học hoành từ (博學宏詞) để chiêu dụ những người còn hoài vọng nhà Minh hay có dạ chống đối, vùng Giang Nam được đặc biệt chú ý. Giang Nam có hai mươi sáu người trúng tuyển (trong số năm mươi người), trong số đó bốn vị đã từng trực tiếp dính líu đến vụ án Giang Nam thuở trước. Trong chuyến Nam Tuần (Southern Tour) năm 1684, vua Khang Hi đã hết sức từ hòa trong việc tiếp xúc với dân chúng, lại đích thân đến tế mộ các vua nhà Minh, và lên tiếng khen ngợi vùng đất văn vật, nhấn mạnh việc ông vẫn thường đọc Sử Ký hằng đêm. Tuy nhiên ông cũng dè dặt nên vẫn đặt hành cung trong khu vực người Mãn có tường cao và tướng lãnh bao quanh trong thành Nam Kinh.

Minh Sử

Vụ án Minh Sử kéo dài từ năm 1661 đến năm 1663 xảy ra chỉ cách Tô Châu một trăm dặm về phía nam ở vào khu vực Hàng Châu, Chiết Giang. Cho tới thời gian này, hầu hết sĩ phu Trung Hoa đã nản chí không còn có hi vọng khôi phục giang sơn bằng võ lực và đại đa số chọn thái độ lánh đời, chống đối một cách tiêu cực bằng cách không ra làm quan với người Mãn Thanh. Họ chỉ còn chống đối ngầm ngấm bằng văn chương và nghệ thuật, và chính võ khí của họ đã là nguyên nhân để Thanh triều có cơ đàn áp.

Vào cuối đời Minh, một danh thần và cũng là một sử gia là Chu Quốc Trinh (1557-1632) đã soạn một bộ sử lấy tên là Hoàng Minh sử thảo. Chu Quốc Trinh đỗ tiến sĩ năm 1589, làm quan tới chức Thượng Thư bộ Lễ kiêm Nội Các Đại Học Sĩ (Thiên Khải thứ 3 – 1623) rồi thăng Tướng Quốc (Thủ Phụ) nhưng vì không theo phe đảng của hoạn quan Ngụy Trung Hiền nên từ quan về ở Nam Tầm tỉnh Chiết Giang.

Họ Chu đã dày công soạn thảo một bộ sử về thời Minh trong đó có nhiều phần khác nhau bao gồm Hoàng Minh Đại Sử Ký, Hoàng Minh Đại Chính Ký, Hoàng Minh Đại Huấn Ký đã được lần lượt in ra trong những năm sống ở Nam Tầm. Riêng bộ sau cùng Minh Lịch Triều Chư Thần Truyện chưa soạn xong thì ông mất (Sùng Trinh ngũ niên 1632). Gia cảnh ngày càng xuống dốc nên con cháu phải đem bộ thủ thảo dở dang của ông đem bán cho một phú gia ở Nam Tầm là Trang Duẫn Thành.[12]

Trang Duẫn Thành có một người con trai tên là Trang Đình Long (Chuang T'ing-lung), đỗ sinh viên (sheng-yuan)[13] nhưng sau đó mất bị lừa nhưng vẫn kỳ vọng tiếp tục một công trình nghiên cứu. Trang Đình Long đã chọn bộ Minh Sử của Chu Quốc Trinh để tu đính và tặng bỏ dưới nhan đề Minh Sử Ký Lược[14]. Bộ sách này được nhiều nho sĩ Giang Nam như Mao Nguyên Minh, Phan Sanh Chương, Ngô Viêm... tổng cộng mười bảy người tiếp tay mấy tháng mới xong. Những nho sĩ đó đều là người còn hoài vọng triều Minh nhưng cũng không phải là những người nổi tiếng từ trước mà ngược lại, chính vì vụ án Minh Sử mà họ còn được lưu danh đến ngày nay. Chỉ có hai người được coi như xuất sắc là Ngô Viêm và Phan Sanh Chương đã được Cố Viêm Võ viết về tiểu sử của họ trong một bài viết nhan đề Thư Ngô Phan Nhị Tử Sự in trong Bi Truyền Tập Bỏ (Mẫn Nhĩ Xương, Bắc Kinh 1931). Cũng trong bài này Cố Viêm Võ chê khả năng của Trang Đình Long và bộ Minh Sử Ký Lược là phẩm chất không đủ (incompetent) nên ông

đã không tham gia khi được mời và đó là lý do tại sao ông đã thoát khỏi vụ án. Cả Lục Kỳ, Tra Kế Tá và Phạm Tương cũng không nhận rằng mình có tham dự vào việc soạn thảo bộ sách này nên cũng được miễn tội.[15]

Trang Đình Long chết vào khoảng đầu năm 1660 và việc hoàn thành bộ sử này do cha ông, Trang Duẩn Thành, thực hiện. Minh Sử Ký Lược được in và phổ biến tại Hàng Châu cuối năm đó. Một cách tổng quát, bộ sử này chỉ nhằm ghi lại những sự kiện đã xảy ra dưới triều Minh nhưng cũng có một số chi tiết có ý miệt thị nhà Thanh. Những vị vua đầu của nhà Đại Kim chẳng hạn như Đa Nhĩ Cổn[16] (Nurhachi) lại không được gọi là vua Thái Tổ mà vẫn dùng tên riêng, niên hiệu cũng sử dụng niên hiệu triều Minh có vẻ như coi họ vẫn là những dân tộc còn man rợ. Những tướng lãnh người Hán về hàng Mãn Thanh lập được nhiều công trạng như Khổng Hữu Đức, Cảnh Tinh Trung bị coi như những quân giặc (trong khi đó họ hiện là những phiên trấn đang hùng cứ vùng Nam Trung Hoa).

Tuy nhiên không phải ngay từ đầu bộ sách này đã bị đề ý. Một bản được gửi về Bộ Lễ (như một hình thức đăng ký bản quyền và kiểm duyệt ngày nay) vào tháng giêng năm 1661 đã được phê là “không có gì đáng ngại”. Tuy nhiên một số quan lại tìm cách tống tiền Trang Duẩn Thành bằng cách bươi móc một số “cấm kỵ” để lấy vài nghìn lạng bạc đã không thành công nên đã làm đơn tố cáo lên Bộ Hình trong đó người hăng hái nhất là Ngô Chi Vinh, quan huyện Qui An.

Khi việc trở thành lớn chuyện, Lodo, một khâm sai người Mãn Châu được gửi xuống Hàng Châu điều tra và tịch thu tất cả những bản còn lại đem thiêu hủy. Trang Duẩn Thành bị bắt giam và chết trong ngục. Xác của ông ta lẫn thi hài của Trang Đình Long quật từ mộ lên đều bị nghiền nát và hỏa thiêu. Đầu năm 1662, hai khâm sai từ kinh đô xuống Hàng Châu, đem theo mấy trăm binh sĩ, lấy cung tất cả những quan lại và người có liên quan, lại bắt

giam tất cả những ai họ Trang và họ Chu. Đến năm 1663, vụ án kết thúc, tất cả bao nhiêu người có dính líu đến đều bị xử tử, trong đó người tham gia viết sách đã đành mà cả người in cho chí những người trót mua phải bộ sách cấm. Tổng số người bị giết lên tới 70, gia đình họ bị đày lên Mãn Châu và gia sản bị tịch biên. Một tài liệu của người đương thời cho hay là họ “nghe nói có ngày đến hơn 200 người bị giết, còn vợ con, gia nhân thì bị đày đi biên tái không bao giờ trở về và số đó còn đông gấp mấy lần số người bị xử tử. Đây là đại họa lớn nhất từ khi có tân triều”[17]

Ngoài hai vụ đại án Thuế Giang Nam và Minh Sử, đầu đời Thanh cũng còn nhiều vụ đàn áp khác nhất là trong những năm Ngao Bái nắm quyền phụ chính. Tuy nhiên phần lớn cũng chỉ bị giam, bãi chức nhưng không đến nỗi mất mạng. Phải nói rằng trọng tâm của những vụ trấn áp nằm ở Giang Nam, nơi mà sĩ phu còn nhiều điều bất phục, nhất là giai đoạn này lực lượng của Trịnh Thành Công từ Đài Loan vẫn thường tấn công vào vùng duyên hải, nhiều lần tạo được những thanh thế khá lớn.

Nguyên nhân của vụ án Minh Sử

Có nhiều lý do đưa đến vụ án Minh Sử ngoài những nguyên nhân cụ thể như chính sách chuyên chế của nhà cầm quyền, vấn đề kỳ hủý vốn dĩ là một trong những trọng tội của thời phong kiến, và chủ trương đàn áp của nhà cầm quyền Mãn Thanh đối với giới văn nhân Hán tộc.

a/ Nguyên nhân thực tế

Cho tới năm 1660, người Mãn Châu đã cai trị Trung Hoa được gần 20 năm mặc dầu một số khu vực ở ven biển Nam Trung Hoa và đảo Đài Loan vẫn chưa thuộc quyền kiểm soát của họ. Có thể nói, triều đình nhà Thanh vẫn còn đang tiếp tục công việc “bình định” mà chưa hoàn toàn làm chủ Trung Nguyên. Hơn thế nữa, một số tướng lãnh Minh triều về hàng hiện là những

phiên trấn cũng không phải là không có những đe dọa ngầm đối với một triều đại ngoại tộc sơ sinh.

Nhà Thanh khi đó có những vị ấu quân và việc triều chính tùy thuộc nhiều vào các thân vương phụ chính. Sau khi quân Thanh vượt qua quan ải vào chiếm Bắc Kinh, nhiếp chính vương Dorgon[18] đã áp dụng một đường lối tương đối hữu hiệu. Ông sử dụng lại bộ máy hành chính cũ của triều Minh một mặt khuyến khích các nho sĩ ra cộng tác với tân triều nhưng mặt khác đưa ra những sắc luật cưỡng bách người Hán phải gióc tóc đuôi sam (pigtail), ăn mặc theo lối người Mãn. Dorgon cũng chiếm lĩnh rất nhiều đất đai để phân phối lại cho giới tướng lĩnh và quý tộc nhà Thanh.

Năm 1650, Dorgon từ trần, vua Thuận Trị mới bắt đầu tự mình cầm quyền trị nước. Nhà vua tương đối cởi mở, học tiếng Hoa để giao tiếp thẳng với các quan lại người Hán bằng chính ngôn ngữ của họ. Chính thái độ đó đã khiến cho giới thân vương Mãn Châu đâm ra e ngại nên càng có tâm lý phản kháng mạnh hơn. Năm 1661, vua Thuận Trị băng hà vì bệnh đậu mùa, di chiếu lại cho người con thứ ba (vì lý do cậu bé này đã lên đậu rồi mà không chết) là Huyền Diệp, niên hiệu Khang Hi.

b/ Nguyên nhân tâm lý

Nguyên nhân thứ nhất mà chúng ta có thể nêu ra là sự đối kháng ngầm ngầm giữa giới tướng lĩnh Mãn Thanh và sự e ngại bị Hán hóa. Dưới thời vua Thuận Trị, nhà vua đã có khuynh hướng “thân” Hán tộc, du nhập nhiều tập tục và điển chế Trung Hoa và tạo ra những úy kỵ ngầm ngầm trong giới quý tộc e ngại người Mãn Châu rồi cũng sẽ bị tan biến vào giòng sinh mệnh văn hóa của Trung Nguyên như nhiều triều đại di địch trước. Trong khi đó, giới văn nhân Trung Hoa lại tự cho mình là dân tộc có nền văn minh cao nay bị một đối thủ kém khai hóa hơn chiến thắng và thường dùng biện pháp tiêu cực để chống đối là văn chương phúng thích, mỉa mai như một vũ khí ngầm.

Nguyên nhân thứ hai là sự khủng hoảng của giới quân sự Mãn Thanh nay đã bước vào tuổi xế chiều cảm thấy quyền hành của mình ngày càng thoát khỏi tầm tay khi những thế hệ đi sau đã ít nhiều đẩy họ ra khỏi vùng ảnh hưởng. Tương tự như thế, giới nho sĩ Trung Hoa cũng thấy việc hoài vọng tiền triều càng ngày càng tan biến và phần lớn cái quá khứ huy hoàng của triều Minh mà họ tưởng tượng ra bị quên lãng dần. Ở tuổi già con người thường tự tô vẽ cái quá khứ của mình và ai cũng thấy cái quá khứ đó êm đềm không khác gì hình ảnh của một tình nhân cũ luôn luôn xinh tươi yêu kiều trong tâm tưởng. Sự thay đổi tương đối khá gấp rút khi xã hội Trung Hoa có nhiều tiếp cận với thế giới bên ngoài ở thế kỷ 17 cũng lại là một nguyên nhân khác. Vào thời kỳ này, khi các nước Âu Châu đang bước vào một kỷ nguyên thám hiểm, tìm kiếm những vùng đất mới để mở rộng giao thương, tình hình xã hội đã có nhiều biến chuyển. Xã hội Trung Hoa phản kháng dị tộc ngoài việc thành lập những tổ chức bí mật cũng tạo thành những đợt di cư ồ ạt sang nước ngoài điển hình là các nước ở phía nam mà họ gọi chung là Nam Dương (ngày nay được dùng để chỉ Indonesia) trong đó một số đông chạy sang miền trung và miền nam nước ta (vì thế họ được gọi là Minh Hương). Mặc dù việc bỏ nước ra đi để tránh một chế độ hà khắc đã kéo dài suốt lịch sử, cuộc di cư của người Trung Hoa vào thế kỷ thứ 17 không những ảnh hưởng khá mạnh đến những biến động tại vùng Giang Nam mà không ít định hình những khuôn mẫu của vùng cực nam bán đảo Hoa-An, tạo nên một số mẫu mực sinh hoạt và văn hóa của miền Nam Việt Nam. Những xung khắc thực và giả đó đã đưa tới những biến động, tạo nên những vụ trấn áp vô lối và những bóng ma ám ảnh nhà cầm quyền. Hiện tượng lịch sử đó được lặp đi lặp lại trong nhiều quốc gia, nhiều thời đại dưới nhiều hình thức khác nhau và vì thế hầu như những khởi đầu của một chế độ độc tài nào cũng có những vụ Văn Tự Ngục.

KẾT LUẬN

Kim Dung cho biết chính sự khốc liệt và tàn phá của Cách Mạng Văn Hóa dưới thời Mao Trạch Đông đã là một trong những nguyên nhân ông mở đầu bộ tiểu thuyết võ hiệp Lộc Đỉnh Ký bằng vụ án dưới triều Thanh mà chính tổ tiên ông cũng dự phần trong đó.[19]

Khi người Mãn Châu chiếm được Trung Hoa, tuy cũng là một dân tộc ở quan ngoại nhưng họ không đến nỗi quá cách xa về văn hóa như người Mông Cổ thuở trước. Trái lại họ cũng đã có một nền văn minh khá đặc thù và nhà Thanh đã đưa ra nhiều chính sách với ý định làm thay đổi tận cốt rễ sinh hoạt tập quán của Trung Nguyên để Mãn hóa người Hán. Sự xung khắc giữa dân chúng và triều đình kéo dài cho đến tận cuối đời Thanh và luôn luôn hiện diện ở một mức độ nào đó nặng hay nhẹ tùy theo chính sách của triều đình.

Thực tình mà nói, việc người Mãn Châu làm chủ được Trung Hoa không đơn giản là một cuộc xâm lăng của một dân tộc quan ngoại tiến đánh Trung Nguyên mà là một sự biến chuyển quan trọng để thay đổi một triều đại hết sức mục nát – khôi hài thay giới trí thức Trung Hoa vẫn tiếp tục tôn chỉ phẫn Thanh phục Minh qua nhiều thế hệ, lan ra cả đến những cộng đồng Hoa kiều đã di cư sang nước ngoài[20] – và những vụ tàn sát thảm khốc nhất ở giai đoạn thay chủ đổi ngôi đó cũng chưa hẳn do người Mãn Châu gây nên mà do chính người Hán giết người Hán trong các vụ nổi dậy của Trương Hiến Trung, Lý Tự Thành hay của những đội Lục Doanh (Hán kỳ) của những tướng nhà Minh về hàng như Hồng Thừa (Thặng) Trù, Thượng Khả Hỉ hoặc Ngô Tam Quế.[21]

Ngoài những nguyên nhân trực tiếp đã gây ra hai vụ đại án ở Giang Nam, chúng ta cũng không thể quên rằng trong thời kỳ đầu Thanh triều phải đối

phó rất gay go với những vụ nổi dậy, từ dư đảng của nhà Minh đến những vụ bạo loạn. Quan trọng nhất phải nói đến lực lượng của Trịnh Thành Công ở Đài Loan mà căn cứ địa trên đất liền của lực lượng này chính là vùng Mân Triết. Trước đó không lâu (cuối năm 1659), họ Trịnh đã gần như khống chế toàn vùng khi đem quân dọc theo sông Dương Tử lên đến gần Nam Kinh. Mặc dù quân Thanh đẩy lui được chiến thuyền họ Trịnh ra Đài Loan nhưng không thể không e ngại thành phần dân chúng vốn dĩ còn hoài vọng cựu triều và cũng là thành phần hưởng ứng phong trào

chống lại triều đình nồng nhiệt và đông đảo hơn cả. Trong tình huống lưỡng đầu thọ địch, một mặt dư đảng nhà Minh ở phương Nam, một mặt người Mông Cổ tấn công biên thùy phương bắc, nhà Thanh bị đẩy vào thế “khoan nhượng là tự sát” và vụ án Văn Tự Ngạc cũng chỉ phản ánh một trong những khía cạnh dao động của nhà cầm quyền. Tâm lý sợ hãi cũng là một trong những tầng sâu của việc sử dụng bạo lực, vừa để chứng minh là mình vẫn còn sức mạnh, vừa để che dấu sự hoảng loạn khi thấy thời đại đang có những thay đổi lớn lao mà họ ngấm cảm thấy mình không thể đi ngược lại trào lưu của cơn hồng thủy.

Chính vì thế mà Thanh triều đã thẳng tay trấn áp thành phần trí thức của Trung Hoa điển hình là hai vụ Thuế Giang Nam và Minh Sử. Giai đoạn Ngao Bái cầm quyền cũng xen kẽ giữa hai đời vua, Thuận Trị và Khang Hi đều có khuynh hướng muốn dung hòa văn hóa Hán Mãn tạo nên sự đồ kỵ ngấm ngấm của đám cựu thân, e ngại rằng ảnh hưởng của họ bị sút giảm trước quan điểm mới mẻ của hai vị hoàng đế.

Giai đoạn đó đánh dấu một thời kỳ “vỡ hạt” khi thế hệ con cháu đã trưởng thành sau hai mươi năm chiếm được Trung Hoa. Đến lúc này, số người Mãn Châu hội nhập vào sinh hoạt của người Hán càng ngày càng nhiều, tử đệ của

các đại thần tham dự những cuộc khảo thí và hôn nhân Mãn – Hán mỗi lúc một phổ biến. Sự hòa loãng đó tuy khiến cho tâm lý thù nghịch của lớp người mới bớt dần thì ngược lại thế hệ thứ nhất – nay đã già (các phụ chính đại thần thời đầu Khang Hi đều ở vào tuổi 60 trở lên) lại có cảm tưởng rằng cái hào quang trai trẻ của mình khi “ngồi trên lưng ngựa mà lấy thiên hạ” càng lúc càng mờ nhạt.

Trong khi đó cự thần và văn nhân người Hán thì hoài vọng tiền triều theo thói quen của những “Bạch đầu cung nữ tại, Nhân tọa thuyết Huyền Tông[22]”, còn kẻ cầm quyền thì khắc khoải khi chính con cháu họ cũng không còn giống mình và sự cọ sát đó đã trở thành những xung khắc tâm lý tạo nên vụ thảm án Văn Tự Ngục. Đó là nguyên nhân sâu xa ít ai nghĩ đến của vụ án văn chương này. Chính vì thế mà vụ trấn áp được nhìn dưới nhiều góc cạnh khác nhau, tùy theo thời kỳ và tùy theo quan điểm chính trị.

Các sử gia ngày hôm nay đã có cái nhìn tương đối khác hơn về những năm đầu của triều Thanh. Vết nơ lịch sử đó đã vẽ thành những nét đậm màu ghi dấu những đối nghịch vào thời kỳ một triều đại mới thành lập nhưng lại cũng lót đường cho hơn 100 năm tương đối thịnh trị và huy hoàng của ba đời Khang Hi, Ung Chính, Càn Long mà nhiều người cho rằng là thời đại đỉnh cao của văn minh Trung Hoa. Bao giờ cũng thế, phải tới thế hệ thứ hai, thứ ba người ta mới có đủ tỉnh táo để nhìn được vấn đề mà thế hệ thứ nhất bị che lấp.

Kinh nghiệm lịch sử đó không phải lúc nào cũng được người đi sau học được. Việc xuống khỏi lưng ngựa để trị thiên hạ mới thực là một vấn đề vì để duy trì được một sự thịnh vượng và tiến bộ lâu dài, những nguyên tắc, lập pháp, lập qui, kỷ cương đường lối còn quan trọng hơn gươm đao, súng ống. Một triều đại biết từ bỏ cái bạo lực để xây dựng một xã hội văn minh và phú cường vừa phải có thời gian và... cũng lại cần những người lãnh đạo sáng

suốt biết nhìn ra đại thể.

Tháng 10/2003

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1/ Tiêu Phong (蕭風): Minh Thanh Thập Đại Danh Án (明清十大名案)

(Thương Vụ Ấn Thư Quán, Hongkong 1990)

2/ Oxnam, Robert B.: Ruling from Horseback – Manchu Politics in the Oboi Regency, 1661-1669 (The University of Chicago Press, Chicago & London 1975)

[1] Nam Man, Bắc Địch, Đông Di, Tây Nhung

[2] Xem thêm Bút Nghiên, Thư Họa của Nguyễn Duy Chính

[3] sách viết nháp, chưa in

[4] Sách Ni (Soni) là cha của Songotu (Sách Ngạch Đồ), Tô Khắc Tát Cáp (Suksaha) sau bị Oboi (Ngao Bái) giết, Át Tát Long (Ebilun) tòng đảng với Ngao Bái. Những tên này có thật trong sử sách.

[5] Vua Khang Hi sinh năm 1654, khi đó Thuận Trị mới 16 tuổi???

[6] Bát Kỳ bao gồm 4 chính và 4 tương bao gồm những màu vàng, trắng, xanh, đỏ. Tương kỳ có thêm viền ở bên ngoài. Tất cả 8 kỳ đều do các thân vương (bồi lạc) chỉ huy. Tám thân vương đó được gọi là Nghị Chính Vương là cơ chế hành chánh- quân sự quan trọng nhất của triều đình Mãn Thanh.

(Xem thêm Thanh Bình nhập quan của Nguyễn Duy Chính)

[7] Đoạn này có lẽ tác giả (NDC) nhầm, vì Nurhachi (Nỗ Nhĩ Cáp Xích) là cha của cả Hoàng Thái Cực và Đa Nhĩ Cổn. Đa Nhĩ Cổn (Dorgon) là em cùng cha khác mẹ với Hoàng Thái Cực và chỉ là Nhiếp Chính Vương cho

Thuận Trị (Chú thích: Thái Nhi)

[8] Nguyên nhân về sự xung đột giữa Chính Hoàng Kỳ, Tương Hoàng Kỳ với Chính Bạch Kỳ có lẽ còn do sự xung đột giữa Hoàng Thái Cực (Aberhai) với Đa Nhĩ Cổn (Dorgon). Tương truyền, Nỗ Nhĩ Cáp Xích (Nurhachi) định truyền ngôi cho con út Đa Nhĩ Cổn nhưng chưa kịp thì đã chết. Lúc đó, Hoàng Thái Cực đang có thực lực trong tay và tranh thủ sự ủng hộ của các thân vương, nhanh chóng đoạt ngôi Hãn. Sau khi Hoàng Thái Cực chết, Đa Nhĩ Cổn định cướp lại ngôi nhưng do có sự can thiệp của Hiếu Trang Hoàng Hậu (thân mẫu của vua Thuận Trị) nên thôi. Cũng có thể nói, chính Đa Nhĩ Cổn trong thời kỳ làm Nhiếp Chính Vương là người có công lớn giúp người Mãn Châu chiếm được Trung Hoa và xây dựng thể chế cho Đế quốc Đại Thanh.

[9] Robert B. Oxnam tr. 103-4

[10] Robert B. Oxnam: sdd tr. 105-107

[11] Oxnam: 108

[12] Theo Mạnh Sâm trong Thanh Sơ Tam Đại Nghi Án Khảo Thực và Thư Minh Sử Sao Lược thì Trang Duẫn Thành đỗ Tiến Sĩ năm 1658 và làm việc trong Hàn Lâm Viện (dẫn theo Robert B. Oxnam tr. 109)

[13] qua được một kỳ thi địa phương để có thể ứng thí các cuộc thi Hương của triều đình, tương tự như khóa sinh của ta

[14] Tiêu Phong viết là Minh Sử Toát Lược (Minh Thanh Thập Đại Danh Án tr. 154)

[15] Nam Tầm Chí 1929 (The Gazetteer of Nan-hsun District) Oxnam: 109

[16] Ở đây tác giả (NDC) nhầm. Đúng ra phải là Nỗ Nhĩ Cáp Xích (chú thích: Thái Nhi)

[17] Robert B. Oxnam, tr. 111

[18] Túc Đa Nhĩ Cổn (chú thích: Thái Nhi)

[19] Kim Dung tên thật là Tra Lương Dung là hậu duệ của Tra Thận Hành.

[20] Xem thêm Thiên Địa Hội (biên khảo của Nguyễn Duy Chính)

[21] Xem thêm Thanh Bình Nhập Quan (biên khảo của Nguyễn Duy Chính)

[22] thơ Lý Bạch

Nguồn: VietKiem

Được bạn: đưa lên

vào ngày: 19 tháng 5 năm 2004